

Số: 1841 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành chuyển
mục đích sử dụng đất để xây dựng Khu dân cư Hoàn Thành.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 902/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành thực hiện dự án đầu tư Khu dân cư Hoàn Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-STNMT ngày 21/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành chuyển 23.088,9 m² đất trồng cây lâu năm sang mục đích sử dụng đất khác (có biểu chi tiết



kèm theo), giao đất và cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành thuê đất với diện tích theo số liệu đo đạc thực tế là 22.928,7 m² (Hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi tám phẩy bảy mét vuông) để xây dựng Khu dân cư Hoàn Thành, cụ thể như sau:

a) Giao đất để quản lý xây dựng đường giao thông, trồng cây xanh với diện tích 6.927,6 m²; trong đó:

- Đường giao thông: 6.400,1 m² (trong đó có 29,1 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ).

- Trồng cây xanh: 527,5 m².

b) Giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở với diện tích 15.268,5 m².

c) Cho thuê đất trả tiền một lần để làm bãi giữ xe và khu xử lý nước thải với diện tích 732,6 m²; trong đó: Bãi giữ xe: 323,1 m²; Khu xử lý nước thải: 409,5 m².

(có biểu chi tiết kèm theo)

- Khu đất tọa lạc tại: Khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Cty TNHH MTV Thương Mại Thái Huy thực hiện ngày 25/6/2019, đã được Chi cục Quản lý đất đai kiểm tra kỹ thuật ngày 28/6/2019.

- Mục đích sử dụng: (có biểu chi tiết kèm theo).

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 26/4/2068.

- Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Do cơ quan có thẩm quyền xác định.

- Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng đất của ông Vũ Ngọc Thành, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSD đất số vào sổ 07903/Tân Phú (số seri CN 048100) ngày 04/6/2018. Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Ngọc Thành, đã được Văn phòng Đăng ký đất đai đăng ký biến động ngày 04/7/2018.

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ xác định thông tin địa chính về thửa đất gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành phải nộp; thu hồi bản gốc GCNQSD đất số vào sổ 07903/Tân Phú (số seri CN 048100) ngày 04/06/2018 và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

b) Chi cục Quản lý đất đai phối hợp các đơn vị có liên quan bàn giao đất ngoài thực địa.

2. Cục Thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan thông báo các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành phải nộp.

3. Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành:

- a) Chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất.
- b) Nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

c) Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi đã thực hiện hoàn chỉnh dự án và đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 194 của Luật Đất đai và Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế, Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Phú, Giám đốc Công ty TNHH MTV Bất động sản Hoàn Thành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P: KT, TH;
- Lưu: VT. (Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
ĐHQ CHỦ TỊCH



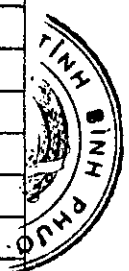
Hoàng Anh Minh



DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT GIAO VÀ CHO CÔNG TY TNHH MTV BÁT ĐỘNG SẢN HOÀN THÀNH THUÊ ĐỂ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ HOÀN THÀNH.

(Kèm theo Quyết định số 1844 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước.)

STT	Số cụm	Số lô	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất
Tổng (I+II+III)				22.928,7	
I. Đất giao quản lý				6.927,6	
1			47	527,5	Đất công trình công cộng khác: để trồng cây xanh
2			27	6400,1	Đất giao thông
II. Đất thuê trả tiền một lần				732,6	
3			9	323,1	Đất giao thông: để làm bãi đỗ xe
4			10	409,5	Đất bãi thải, xử lý chất thải: để làm khu xử lý nước thải
III. Đất giao có thu tiền sử dụng đất				15.268,5	
5	C	C1	1	241,6	Đất ở tại đô thị
6	C	C2	2	249,1	Đất ở tại đô thị
7	C	C3	3	250,5	Đất ở tại đô thị
8	C	C4	15	251,8	Đất ở tại đô thị
9	C	C5	16	253,2	Đất ở tại đô thị
10	C	C6	17	254,3	Đất ở tại đô thị
11	C	C7	18	255,7	Đất ở tại đô thị
12	C	C8	32	257,1	Đất ở tại đô thị
13	C	C9	33	258,4	Đất ở tại đô thị
14	C	C10	34	259,6	Đất ở tại đô thị
15	C	C11	35	261,1	Đất ở tại đô thị
16	C	C12	46	262,4	Đất ở tại đô thị
17	B	B1	4	251,1	Đất ở tại đô thị
18	B	B2	5	247,9	Đất ở tại đô thị
19	B	B3	6	249,9	Đất ở tại đô thị
20	B	B4	7	253,1	Đất ở tại đô thị
21	B	B5	8	247,8	Đất ở tại đô thị
22	B	B6	11	252,5	Đất ở tại đô thị
23	B	B7	12	252,3	Đất ở tại đô thị
24	B	B8	21	252,2	Đất ở tại đô thị
25	B	B9	22	201,9	Đất ở tại đô thị
26	B	B10	28	201,9	Đất ở tại đô thị
27	B	B11	29	252,3	Đất ở tại đô thị
28	B	B12	38	252,3	Đất ở tại đô thị
29	B	B13	39	252,4	Đất ở tại đô thị
30	B	B14	44	252,2	Đất ở tại đô thị
31	B	B15	52	327,9	Đất ở tại đô thị
32	B	B16	51	327,9	Đất ở tại đô thị
33	B	B17	50	320,7	Đất ở tại đô thị
34	B	B18	49	312,1	Đất ở tại đô thị



STT	Số cụm	Số lô	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất
35	B	B19	48	308,6	Đất ở tại đô thị
36	B	B20	45	252,3	Đất ở tại đô thị
37	B	B21	36	252,5	Đất ở tại đô thị
38	B	B22	37	252,4	Đất ở tại đô thị
39	B	B23	31	252,4	Đất ở tại đô thị
40	B	B24	30	201,8	Đất ở tại đô thị
41	B	B25	20	201,8	Đất ở tại đô thị
42	B	B26	19	252,4	Đất ở tại đô thị
43	B	B27	14	252,4	Đất ở tại đô thị
44	B	B28	13	252,3	Đất ở tại đô thị
45	A	A1	23	409,1	Đất ở tại đô thị
46	A	A2	24	410,1	Đất ở tại đô thị
47	A	A3	25	407,2	Đất ở tại đô thị
48	A	A4	26	403,6	Đất ở tại đô thị
49	A	A5	40	400,4	Đất ở tại đô thị
50	A	A6	41	397,3	Đất ở tại đô thị
51	A	A7	42	392,6	Đất ở tại đô thị
52	A	A8	43	387,1	Đất ở tại đô thị
53	A	A9	53	381,5	Đất ở tại đô thị
54	A	A10	54	376,1	Đất ở tại đô thị
55	A	A11	55	361,7	Đất ở tại đô thị
56	A	A12	56	346,5	Đất ở tại đô thị
57	A	A13	57	353,2	Đất ở tại đô thị